

Bản án số: 399/2020/HNGĐ-ST
Ngày: 21-8-2020
V/v “Ly hôn”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 10 - TP. HỒ CHÍ MINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Mỹ Phương.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Đức Thắng.
2. Bà Nguyễn Thị Thu Hằng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Trà Thị Thúy Diễm – Thư ký Tòa án nhân dân Quận 10.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 21 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân Quận 10, địa chỉ số 27 đường Thành Thái, Phường 14, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 251/2020/TLST-HNGĐ ngày 10 tháng 6 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 171/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 11 tháng 8 năm 2020, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Bà Võ Thị Mộng T, sinh năm 1987.

Địa chỉ: Ấp 4, xã BH, huyện BC, Thành phố Hồ Chí Minh.

Bị đơn: Ông Phạm Anh T, sinh năm 1977.

Địa chỉ thường trú: Đường L, Phường 9, Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh.

Địa chỉ liên hệ: Trại giam TĐ, huyện H, tỉnh Ninh Thuận.

Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 25/5/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn – bà Võ Thị Mộng T trình bày:

Bà và ông T có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh theo Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyển số 01/2012 ngày 04/5/2012. Thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, cách sống không phù hợp, ông T thường xuyên đánh đập bà trong những lần cãi vã từ lúc cưới cho đến khi ông T bị bắt, hiện đang thụ án ở Trại giam Thủ Đức Z30D. Bà có vào

thăm ông T vài lần trong Trại giam, bà và ông T thỏa thuận tình ly hôn nhưng do điều kiện không cho phép nên bà đơn phương nộp đơn yêu cầu Tòa án cho bà ly hôn với ông T.

Về con chung: Bà và ông T không có con chung.

Về cấp dưỡng: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà khai không có.

Bị đơn – ông Phạm Anh T trình bày: Về quan hệ hôn nhân, ông đồng ý với yêu cầu ly hôn của bà Th. Về con chung, ông và bà Th không có con chung. Về tài sản chung, nợ chung: Ông khai không có. Ông đề nghị Tòa án cho ông vắng mặt tại phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, tại phiên hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Xét đơn khởi kiện của nguyên đơn, bà Th yêu cầu ly hôn với ông T, đây là tranh chấp quan hệ về hôn nhân và gia đình theo quy định tại Khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn – ông T có hộ khẩu thường trú tại Quận 10 nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh theo quy định tại điểm a Khoản 1 Điều 35, điểm a Khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn và bị đơn có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Căn cứ vào Khoản 1 Điều 228, Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bà Th và ông T.

[2] Về nội dung: Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2012 do Ủy ban nhân dân Phường 9, Quận 10, Tp. Hồ Chí Minh cấp ngày 04/5/2012, Hội đồng xét xử có cơ sở xác định quan hệ hôn nhân bà Th và ông T là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật bảo vệ. Qua phần trình bày của bà Th và ông T, Hội đồng xét xử nhận thấy mâu thuẫn vợ chồng bà Th và ông T trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được. Cả hai đều có ý kiến thống nhất thuận tình ly hôn nên Hội đồng xét xử chấp nhận bà Th và ông T được ly hôn.

[3] Về con chung: Bà Th và ông T không có con chung.

[4] Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Bà Th và ông T khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp hôn nhân và gia đình: Bà Th phải chịu án phí theo quy định tại khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự và Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số

326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; khoản 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Căn cứ Điều 51 của Luật Hôn nhân và gia đình;

- Căn cứ Danh mục án phí, lệ phí Tòa án ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: Bà Võ Thị Mộng Th được ly hôn với ông Phạm Anh T.

- Về con chung: Bà Th và ông T không có con chung.

- Về cấp dưỡng: Bà Th không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không có.

- Về án phí dân sự sơ thẩm đối với tranh chấp về hôn nhân và gia đình: 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng, bà Võ Thị Mộng Th chịu. Bà Th đã nộp theo biên lai thu tiền số 0014637 ngày 05/6/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà Th đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ./.

Nơi nhận:

- Tòa án nhân dân Tp. Hồ Chí Minh;
- Viện kiểm sát nhân dân Quận 10;
- Chi cục Thi hành án dân sự Quận 10;
- UBND Phường 9, Quận 10;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trần Mỹ Phương

